Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9023.00.00

Mã HS	9023.00.00
Mô tả hàng hóa	Các dụng cụ, máy và mô hình, được thiết kế cho mục đích trưng bày (ví dụ, dùng trong giáo dục hoặc triển lãm), không sử dụng được cho các mục đích khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	07/11/2026 16:34:26
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90230000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18141
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18141
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18141
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17460
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17389
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17389
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17389
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17389
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17389
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17389
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17445
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17445

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17445
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17445
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17445
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17445
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17446
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17446
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17446
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17446
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17446
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17446
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17451
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17407
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17403
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17403
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17403
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17403
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17403
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17403
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17449
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17449
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17449
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17449
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17449
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17449
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17511
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17511

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17511
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17511
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17511
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17511
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17487
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17487
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17487
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17487
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17487
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17487
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17482
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17482
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17482
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17482
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17482
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17482
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17512
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17512
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17512
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17512
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17512
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17512
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17511
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17511
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17511
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17511

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17511
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17511
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17605
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17605
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17605
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17605
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17605
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17605
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17605
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17474
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17474
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17474
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17474
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17474
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17474
RCEP B	2022	2022	0	B!D17474
RCEP B	2023	2023	0	B!E17474
RCEP B	2024	2024	0	B!F17474
RCEP B	2025	2025	0	B!G17474
RCEP B	2026	2026	0	B!H17474
RCEP B	2027	2027	0	B!I17474
RCEP C	2022	2022	0	C!D17472
RCEP C	2023	2023	0	C!E17472
RCEP C	2024	2024	0	C!F17472
RCEP C	2025	2025	0	C!G17472
RCEP C	2026	2026	0	C!H17472

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17472
RCEP D	2022	2022	0	D!D17471
RCEP D	2023	2023	0	D!E17471
RCEP D	2024	2024	0	D!F17471
RCEP D	2025	2025	0	D!G17471
RCEP D	2026	2026	0	D!H17471
RCEP D	2027	2027	0	D!I17471
RCEP E	2022	2022	0	E!D17475
RCEP E	2023	2023	0	E!E17475
RCEP E	2024	2024	0	E!F17475
RCEP E	2025	2025	0	E!G17475
RCEP E	2026	2026	0	E!H17475
RCEP E	2027	2027	0	E!I17475
RCEP F	2022	2022	0	F!D17474
RCEP F	2023	2023	0	F!E17474
RCEP F	2024	2024	0	F!F17474
RCEP F	2025	2025	0	F!G17474
RCEP F	2026	2026	0	F!H17474
RCEP F	2027	2027	0	F!I17474
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16383
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16383
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16383
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16383

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9023.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9023.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18141), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.